

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: [info@vietvalues.com](mailto:info@vietvalues.com) | Website: [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



*Mang tri thức phục vụ khách hàng*

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt  
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	11 - 39
7. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	40 - 41
8. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	42 - 43

---



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 5 công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét của Tập đoàn.

### 1. Khái quát về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (tên giao dịch là Binh Dien Fertilizer Joint Stock Company, tên gọi tắt là BFC, sau đây gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 356/QĐ-HCVN ngày 06/06/2008 của Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) về việc cổ phần hóa Công ty Phân bón Bình Điền.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302975517 so Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 25/01/2011.

Trong quá trình hoạt động công ty đã được cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 03 ngày 06/12/2016.

Vốn điều lệ: 571.679.930.000 đồng.

Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là BFC.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

- Địa chỉ : C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 3756 0110
- Fax : + 84 (28) 3756 0799
- Mã số thuế : 0302975517

#### • Thông tin về đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

#### • Thông tin về Công ty con

ST T	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Bình Điền MeKong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ST T	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
5.	Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thiệu	Chủ tịch	24/04/2015	-
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Ngô Văn Đông	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	24/04/2015	-
Ông Phan Văn Tâm	Thành viên	24/04/2015	-

#### 4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Minh Phú	Trưởng Ban	27/04/2016	-
Ông Hà Thanh Sơn	Thành viên	27/04/2016	25/04/2017
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Thành viên	24/04/2015	25/04/2017
Ông Nguyễn Huy Hiếu	Thành viên	25/04/2017	-
Ông Quản Đình Gan	Thành viên	25/04/2017	-

#### 4.3 Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quốc Phong	Tổng Giám đốc	12/11/2015	-
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	15/02/2016	-
Ông Võ Văn Phú	Phó Tổng Giám đốc	28/02/2013	-
Ông Ngô Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	28/02/2013	-

### 5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Quốc Phong – Tổng Giám đốc.

### 6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 43.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

## 7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Tập đoàn.

## 9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## 10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**LÊ QUỐC PHONG**  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Số: 2305/17/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 04 tháng 8 năm 2017, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



**Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2013-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu **VIETVALUES**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.986.225.330.573</b>	<b>2.622.523.248.504</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>389.576.918.385</b>	<b>393.311.149.877</b>
111	1. Tiền		342.097.518.385	388.311.149.877
112	2. Các khoản tương đương tiền		47.479.400.000	5.000.000.000
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>16.500.000.000</b>	<b>11.500.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	16.500.000.000	11.500.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>867.315.215.560</b>	<b>606.345.743.988</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	715.836.949.319	487.146.679.998
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	131.248.337.675	99.721.022.583
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	25.727.436.815	24.623.250.913
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.497.508.249)	(5.233.392.059)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	88.182.553
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.6	<b>1.691.361.280.554</b>	<b>1.564.226.394.100</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.691.361.280.554	1.564.226.394.100
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>21.471.916.074</b>	<b>47.139.960.539</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.352.729.643	1.242.887.328
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		19.059.206.781	45.244.914.155
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.059.979.650	652.159.056
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>830.476.472.745</b>	<b>803.118.711.727</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.032.315.546</b>	<b>5.032.315.546</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	5.032.315.546	5.032.315.546
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>742.941.373.935</b>	<b>742.124.620.926</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	430.131.813.368	424.936.089.996
222	- Nguyên giá		687.165.085.501	652.933.105.508
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(257.033.272.133)	(227.997.015.512)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.8	56.806.890.566	60.738.855.412
225	- Nguyên giá		77.983.819.989	77.983.819.989
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.176.929.423)	(17.244.964.577)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.9	256.002.670.001	256.449.675.518
228	- Nguyên giá		264.147.543.342	264.147.543.342
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.144.873.341)	(7.697.867.824)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>70.565.398.526</b>	<b>42.574.275.068</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	70.565.398.526	42.574.275.068
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>8.512.088.135</b>	<b>8.512.088.135</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.11	11.661.918.871	11.661.918.871
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.149.830.736)	(3.149.830.736)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.425.296.603</b>	<b>4.875.412.052</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		2.601.860.112	3.325.212.965
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	609.128.811
269	3. Lợi thế thương mại	V.12	823.436.491	941.070.276
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.816.701.803.318</b>	<b>3.425.641.960.231</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.616.494.421.649</b>	<b>2.297.989.190.689</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>2.430.941.573.686</b>	<b>2.110.511.935.914</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	307.622.531.990	307.563.399.669
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	69.477.303.832	54.506.702.170
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	143.731.215.859	140.347.003.027
314	4. Phải trả người lao động		17.366.304.502	27.982.011.083
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	72.551.849.841	78.421.273.400
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17	40.143.291.314	25.263.133.747
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18a	1.748.012.282.535	1.465.531.526.416
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.19	32.036.793.813	10.896.886.402
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>185.552.847.963</b>	<b>187.477.254.775</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.18b	185.552.847.963	187.477.254.775
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.200.207.381.669</b>	<b>1.127.652.769.542</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.20	<b>1.200.207.381.669</b>	<b>1.127.652.769.542</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		571.679.930.000	571.679.930.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		571.679.930.000	571.679.930.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	464.878.130
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		15.050.059.200	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		122.111.329.093	93.116.915.050
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.927.892.981	10.525.307.541
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		259.249.880.652	224.525.857.149
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		91.270.808.708	61.738.953.001
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		167.979.071.944	162.786.904.148
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		220.188.289.743	227.339.881.672
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.816.701.803.318</b>	<b>3.425.641.960.231</b>

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.



TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC PHONG

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	VI.1	<b>3.273.602.906.500</b>	<b>3.087.453.963.533</b>
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	50.137.127.865	57.845.421.175
10	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>3.223.465.778.635</b>	<b>3.029.608.542.358</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	2.722.610.850.756	2.607.666.942.906
20	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>500.854.927.879</b>	<b>421.941.599.452</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	2.290.115.951	1.612.310.309
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	66.498.994.055	58.654.078.335
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		48.836.777.640	41.453.487.720
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	126.519.599.342	115.432.204.586
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	55.884.434.614	47.603.488.523
30	<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>254.242.015.819</b>	<b>201.864.138.317</b>
31	12. Thu nhập khác	VI.8	609.659.306	4.204.563.581
32	13. Chi phí khác	VI.9	852.284.620	2.462.030.541
40	<b>14. Lợi nhuận khác</b>		<b>(242.625.314)</b>	<b>1.742.533.040</b>
50	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>253.999.390.505</b>	<b>203.606.671.357</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	46.430.569.073	31.705.582.837
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>207.568.821.432</b>	<b>171.901.088.520</b>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		167.983.277.613	129.080.494.136
62	20. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		39.585.543.819	42.820.594.384
70	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	VI.11	<b>2.703</b>	<b>2.493</b>
71	<b>20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	VI.12	<b>2.703</b>	<b>2.493</b>

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.



Tổng Giám Đốc

LÊ QUỐC PHONG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>253.999.390.505</b>	<b>203.606.671.357</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>84.125.324.917</b>	<b>73.962.100.662</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		36.449.676.650	31.889.899.207
03	- Các khoản dự phòng		264.116.190	116.684.258
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.425.245.563)	-
06	- Chi phí lãi vay		48.836.777.640	41.955.517.197
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>338.124.715.423</b>	<b>277.568.772.019</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(257.493.772.982)	(260.392.756.508)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(127.134.886.454)	277.703.424.602
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		18.421.655.818	89.203.981.301
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.340.273.134	1.556.625.771
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(48.836.777.640)	(40.940.093.498)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(42.400.006.709)	(33.536.408.812)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		177.043.086	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(21.893.463.340)	(25.832.904.639)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(139.695.219.665)</b>	<b>285.330.640.235</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(65.257.553.117)	(68.517.351.528)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		369.090.909	158.479.850
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.056.154.654	-
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(68.832.307.554)</b>	<b>(68.358.871.678)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		2.247.880.803.755	1.966.935.038.728
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.953.539.304.005)	(2.139.648.580.221)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(13.785.150.443)	(3.244.836.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(75.763.053.580)	(37.027.200)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>204.793.295.727</b>	<b>(175.995.404.693)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>(3.734.231.492)</b>	<b>40.976.363.864</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>393.311.149.877</b>	<b>425.567.717.430</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>389.576.918.385</b>	<b>466.544.081.294</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu

Kế toán trưởng



TRẦN NGỌC HÙNG

TRẦN TẤN SON

LÊ QUỐC PHONG

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền và 05 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn sản xuất, thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi;
- Nghiên cứu sản xuất các loại phân bón (không sản xuất tại trụ sở doanh nghiệp);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm phân bón, công cụ, máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản;
- Kinh doanh bất động sản, địa ốc.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2017 tăng 21% so với lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 nguyên nhân chủ yếu là do giá nguyên vật liệu đầu vào sản xuất phân NPK giảm và giá bán đầu ra phân NPK ổn định.

##### 6. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 05 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05 công ty.

*Công ty con bao gồm:*

ST T	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty TNHH MTV Thể thao Bình Điền Long An	Khu công nghiệp Long Định-Long Cang, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An	Thể thao; Quảng cáo	100%	100%	100%
2.	Công ty CP Bình Điền MeKong	Khu công nghiệp Việt Hóa, xã Đức Lập Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%
3.	Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	Quốc lộ 20, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%
4.	Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	Lô 22 Khu công nghiệp Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ST T	Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
5.	Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	Khu công nghiệp Khánh Phú, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất, thương mại phân bón	51%	51%	51%

### **Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Phân bón Bình Điền Long An	Khu Công nghiệp Long Định, xã Long Định, huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

### **7. Số lượng nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 1.277 nhân viên, tại ngày đầu năm có 1.196 nhân viên.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Tập đoàn và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng mà Tập đoàn thường xuyên giao dịch.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và



# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

### 9. Tài sản thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản thuê</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

<u>Loại tài sản vô hình</u>	<u>Số năm</u>
Phần mềm	07 – 10

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Lợi thế thương mại

Giá trị lợi thế thương mại là giá trị phát sinh khi hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại Tập đoàn phân bổ không quá 10 năm.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các Công ty con cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán hàng hoá: phân bón thành phẩm và nguyên liệu phân bón.*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### *Doanh thu gia công*

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

#### 18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

#### 20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

#### 21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 23. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ và số lượng bình quân của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	4.336.637.459	33.689.256.272
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	337.665.390.375	354.621.893.605
- Tiền đang chuyển	95.490.551	-
- Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	47.479.400.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>389.576.918.385</u></b>	<b><u>393.311.149.877</u></b>

<sup>(\*)</sup> Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có thời hạn dưới 3 tháng.**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi tiết kiệm trên 03 tháng.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng chủ yếu là phải thu thương mại mua bán phân bón các loại.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		<b>487.146.679.998</b>
- Công ty TNHH Yetak – Cambodia	98.049.014.768	75.881.900.393
- Công ty TNHH TMDV Phân bón Tuấn Vũ	43.690.401.800	10.642.565.400
- Công ty TNHH TMDV Kim Ngoan	36.922.863.550	16.257.899.650
- Công ty TNHH Thịnh Thành Dak Lak	25.665.001.778	13.373.107.778
- Công ty TNHH TM Công Nguyên	13.355.005.000	5.257.800.000
- Công ty TNHH Hồng Nhung	11.976.150.400	9.794.989.000
- Các khách hàng khác	486.178.512.023	355.938.417.777
<b>Cộng</b>	<b><u>715.836.949.319</u></b>	<b><u>487.146.679.998</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Các khoản trả trước cho người bán chủ yếu là trả trước cho các lô hàng nhập khẩu nguyên liệu đầu vào.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<b>131.248.337.675</b>	<b>99.721.022.583</b>
- Công ty TNHH Young Inh	107.011.911.745	75.015.463.822
- Trả trước cho người bán khác	24.236.425.930	24.705.558.761
<b>Cộng</b>	<b><u>131.248.337.675</u></b>	<b><u>99.721.022.583</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>3.737.502.545</b>	-	<b>3.737.502.545</b>	-
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (phải thu về cổ phần hóa)	3.737.502.545	-	3.737.502.545	-
<b>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</b>	<b>21.989.934.270</b>	-	<b>20.885.748.368</b>	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	12.778.882.143	-	9.444.235.701	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.211.052.127	-	11.441.512.667	-
<b>Cộng</b>	<b>25.727.436.815</b>	-	<b>24.623.250.913</b>	-

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Ký cược, ký quỹ</b>	<b>5.032.315.546</b>	-	<b>5.032.315.546</b>	-
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	2.773.454.546	-	2.773.454.546	-
- Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	1.258.861.000	-	1.258.861.000	-
- Các khoản ký quỹ khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.032.315.546</b>	-	<b>5.032.315.546</b>	-

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu <sup>(1)</sup>	1.299.666.724.858	-	1.158.573.074.220	-
- Công cụ, dụng cụ	9.324.636.383	-	6.206.194.209	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.384.926.743	-	28.803.050.588	-
- Thành phẩm <sup>(2)</sup>	355.846.292.472	-	367.322.813.679	-
- Hàng hóa	5.138.700.098	-	3.321.261.404	-
<b>Cộng</b>	<b>1.691.361.280.554</b>	-	<b>1.564.226.394.100</b>	-

<sup>(1)</sup> Nguyên liệu, vật liệu chủ yếu là nguyên liệu phân bón các loại: U-rê, DAP, cao lanh,...<sup>(2)</sup> Thành phẩm là phân bón các loại.**7. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục số 01.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	76.967.394.534	1.016.425.455	77.983.819.989
Thuê trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>76.967.394.534</b>	<b>1.016.425.455</b>	<b>77.983.819.989</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	16.929.892.570	315.072.007	17.244.964.577
Khấu hao trong kỳ	3.859.363.026	72.601.820	3.931.964.846
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.789.255.596</b>	<b>387.673.827</b>	<b>21.176.929.423</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	60.037.501.964	701.353.448	60.738.855.412
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>56.178.138.938</b>	<b>628.751.628</b>	<b>56.806.890.566</b>

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất <sup>(*)</sup>	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	263.223.766.342	923.777.000	264.147.543.342
Mua trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>263.223.766.342</b>	<b>923.777.000</b>	<b>264.147.543.342</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		245.000.000	245.000.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	7.172.803.985	525.063.839	7.697.867.824
Khấu hao trong kỳ	392.043.272	54.962.245	447.005.517
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.564.847.257</b>	<b>580.026.084</b>	<b>8.144.873.341</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	256.050.962.357	398.713.161	256.449.675.518
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>255.658.919.085</b>	<b>343.750.916</b>	<b>256.002.670.001</b>

Trong đó: Giá trị còn lại của một số tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay là 13.108.854.873 đồng.

<sup>(\*)</sup> Quyền sử dụng đất của Tập đoàn gồm:

- Khu đất tọa lạc tại C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh và Quyền sử dụng đất số T00080/QSDĐ/0401-LA tọa lạc tại xã Long Định, huyện Tân Đức, Long An.
- Quyền sử dụng 31.829 m<sup>2</sup> đất thuê (một phần các thửa số 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Quyền sử dụng 5.200 m2 đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).
- Quyền sử dụng 4.000 m2 đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008. Quyền sử dụng này đã thuê chấp cho Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 (xem thêm tại Thuyết minh V.18).

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	43.521.500	3.094.115.000	(3.077.636.500)	-	60.000.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	5.647.571.220	-	-	5.647.571.220
Xây dựng cơ bản dở dang	42.530.753.568	42.690.908.396	(20.291.834.658)	(72.000.000)	64.857.827.306
- Công trình Kè bảo vệ bờ và 2 bến sà lan 500DWT	8.439.332.394	-	-	-	8.439.332.394
- Công trình Khu thực nghiệm nông nghiệp công nghệ cao	2.581.820.931	152.153.000	-	-	2.733.973.931
- Công trình Bến tàu 3.000 DWT Bình Điền Long An	299.049.921	132.380.353	-	-	431.430.274
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền tại Hồ Chí Minh, Long An	956.394.195	233.000.000	-	(72.000.000)	1.117.394.195
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền MeKong	20.067.910.633	31.716.438.879	-	-	51.784.349.512
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Quảng Trị	5.286.091.000	6.973.140.000	(12.219.231.000)	-	40.000.000
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Lâm Đồng	1.809.824.125	1.615.911.364	(3.425.735.489)	-	-
- Các hạng mục khác của nhà máy Bình Điền Ninh Bình	3.090.330.369	1.867.884.800	(4.646.868.169)	-	311.347.000
<b>Cộng</b>	<b>42.574.275.068</b>	<b>51.432.594.616</b>	<b>(23.369.471.158)</b>	<b>(72.000.000)</b>	<b>70.565.398.526</b>

**11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị được đầu tư	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà (*)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)	11.661.918.871	8.512.088.135	(3.149.830.736)
<b>Cộng</b>	<b>11.661.918.871</b>	<b>8.512.088.135</b>	<b>(3.149.830.736)</b>	<b>11.661.918.871</b>	<b>8.512.088.135</b>	<b>(3.149.830.736)</b>

(\*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn – Đông Hà tương ứng 1.164.564 cổ phần, (chiếm tỷ lệ 6,28% vốn điều lệ) mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công ty CP Bình Điền MeKong	339.101.312	-	(42.387.664)	296.713.648
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	601.968.964	-	(75.246.121)	526.722.843
<b>Cộng</b>	<b>941.070.276</b>	<b>-</b>	<b>(117.633.785)</b>	<b>823.436.491</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn***Phải trả các bên liên quan**Phải trả các nhà cung cấp khác*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>307.622.531.990</b>	<b>307.563.399.669</b>
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	96.708.156.840	3.897.229.309
- Công ty TNHH Eastchem	32.536.870.200	27.116.400.800
- Công ty TNHH Đầu tư Tân Phát	18.044.752.800	41.721.702.200
- Công ty CP Vinacam	10.397.875.000	13.324.833.900
- Các nhà cung cấp khác	149.934.877.150	221.503.233.460
<b>Cộng</b>	<b>307.622.531.990</b>	<b>307.563.399.669</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn***Trả trước của các bên liên quan**Trả trước của các khách hàng khác*

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>69.477.303.832</b>	<b>54.506.702.170</b>
- Nguyễn Loan	6.531.552.713	626.987.988
- Công ty TNHH MTV KC Hà Tĩnh	5.265.917.104	6.211.433.249
- Nguyễn Thị Đông	4.033.706.976	40.621.875
- Bùi Đức Tuấn	3.165.834.538	1.465.983.368
- Nguyễn Văn Hào	3.152.679.119	4.609.005.459
- Nguyễn Thị Lương	2.386.990.326	574.048.056
- Các người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	44.940.623.056	40.978.622.175
<b>Cộng</b>	<b>69.477.303.832</b>	<b>54.506.702.170</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	395.421.230	(454.375.681)	235.685.337	(60.564.001)	570.542.566	(454.375.681)
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	2.722.624.168	(2.722.624.168)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	14.218.777.780	(14.756.495.287)	-	(537.717.507)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.262.809.812	(31.896.913)	46.430.569.073	(42.400.006.709)	27.261.475.263	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.947.089.522	(165.886.462)	4.168.440.268	(4.803.952.415)	1.211.577.375	(65.886.462)
- Thuế nhà đất, thuê đất	-	-	650.750.313	(650.750.313)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	6.000.000	(8.000.000)	-	(2.000.000)
- Giá trị quyền sử dụng đất	114.687.620.655	-	-	-	114.687.620.655	-
- Khoản thuế khác	54.061.808	-	-	(54.061.808)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>140.347.003.027</b>	<b>(652.159.056)</b>	<b>68.435.846.939</b>	<b>(65.459.454.701)</b>	<b>143.731.215.859</b>	<b>(1.059.979.650)</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế nhập khẩu**

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Chi cục Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp****- Thuế suất:**

- Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất phổ thông 20%.
- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị hưởng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm, năm 2017 là năm thứ 6 được hưởng thuế suất ưu đãi.

**- Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Công ty CP Bình Điền Quảng Trị giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm, năm 2017 là năm thứ 4 được giảm 50%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số tiền</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	253.999.390.505
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	705.782.380
+ Chi phí không hợp lý	588.148.595
+ Phân bổ Lợi thế thương mại do hợp nhất	117.633.785
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	254.705.172.885
Trong đó:	
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất phổ thông	238.151.209.630
Thu nhập chịu thuế theo thuế suất ưu đãi	16.553.963.255
Thuế suất phổ thông	20%
Thuế suất ưu đãi	17%
Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (20%)	47.630.241.926
Thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (17%)	2.814.173.753
Thuế TNDN được miễn, giảm	(4.230.454.102)
Thuế TNDN bị truy thu của các năm trước	216.607.496
<b>Tổng Thuế TNDN phải nộp</b>	<b><u>46.430.569.073</u></b>

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí chiết khấu	15.293.212.000	30.939.152.435
- Trích trước chi phí khuyến mãi	32.628.582.971	31.261.265.750
- Trích trước hỗ trợ bán hàng	13.673.931.000	6.667.519.000
- Trích trước chi phí sửa chữa lớn	9.826.746.364	2.326.746.364
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.129.377.506	7.226.589.851
<b>Cộng</b>	<b><u>72.551.849.841</u></b>	<b><u>78.421.273.400</u></b>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.787.279.715</b>	<b>990.869.715</b>
- Tập Đoàn Hóa Chất Việt Nam	2.787.279.715	990.869.715
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>37.356.011.599</b>	<b>24.272.264.032</b>
- Kinh phí công đoàn	1.840.464.458	1.639.978.863
- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	3.141.358.393	2.406.915.385
- Cổ tức phải trả	8.313.751.800	6.522.792.780
- Quỹ tiếp sức đến trường	944.360.420	944.360.420
- Quỹ người nghèo	1.239.595.403	1.203.626.292
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	21.876.481.125	11.554.590.292
<b>Cộng</b>	<b><u>40.143.291.314</u></b>	<b><u>25.263.133.747</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn****18a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.343.564.149.285	1.343.564.149.285	1.688.930.833.406	1.688.930.833.406
- Ngân hàng TMCP Á Châu – CN Bình Tây	-	-	6.171.804.777	6.171.804.777
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN Tp. HCM <sup>(1)</sup>	375.889.735.697	375.889.735.697	288.210.573.853	288.210.573.853
- Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam <sup>(2)</sup>	51.350.266.816	51.350.266.816	54.120.133.015	54.120.133.015
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Tp.HCM <sup>(3)</sup>	26.236.000.000	26.236.000.000	44.123.379.330	44.123.379.330
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Hàm Nghi <sup>(4)</sup>	91.964.326.868	91.964.326.868	105.147.277.815	105.147.277.815
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN Bến Nghé <sup>(5)</sup>	54.111.347.900	54.111.347.900	52.703.256.000	52.703.256.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM <sup>(6)</sup>	394.523.468.115	394.523.468.115	320.524.433.186	320.524.433.186
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Phú Nhuận <sup>(7)</sup>	6.753.530.100	6.753.530.100	18.201.928.308	18.201.928.308
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam <sup>(8)</sup>	94.574.655.175	94.574.655.175	72.617.572.394	72.617.572.394
- Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM <sup>(9)</sup>	90.855.164.400	90.855.164.400	47.555.197.660	47.555.197.660
- Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp.HCM <sup>(10)</sup>	37.888.974.690	37.888.974.690	-	-
- Vay nhân viên công ty <sup>(11)</sup>	22.700.073.722	22.700.073.722	22.151.902.762	22.151.902.762
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN – CN Tây Sài Gòn <sup>(12)</sup>	151.440.798.908	151.440.798.908	75.207.176.388	75.207.176.388
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN – CN Tp.HCM <sup>(13)</sup>	72.162.499.376	72.162.499.376	60.621.194.845	60.621.194.845
- Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển Nông thôn VN – CN Quảng Trị <sup>(14)</sup>	4.842.500.000	4.842.500.000	55.541.247.736	55.541.247.736
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị <sup>(15)</sup>	59.714.927.300	59.714.927.300	39.698.399.500	39.698.399.500
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Lâm Đồng <sup>(16)</sup>	35.620.119.000	35.620.119.000	32.513.185.341	32.513.185.341
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đà Lạt	18.952.387.591	18.952.387.591	31.869.235.219	31.869.235.219

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả		Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ	Giá trị	nợ
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình <sup>(17)</sup>	156.744.169.056	156.744.169.056	129.910.702.001	129.910.702.001
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.687.337.821	1.687.337.821	8.642.926.286	8.642.926.286
<b>Cộng</b>	<b>1.748.012.282.535</b>	<b>1.748.012.282.535</b>	<b>1.465.531.526.416</b>	<b>1.465.531.526.416</b>

- (1) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng 16.2990135/2016-HĐTDHM/NHCT900-BFC ngày 15 tháng 09 năm 2016. Hạn mức 1.000.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ mua Nguyên vật liệu. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (2) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam theo Hợp đồng vay Số HCM/2012/013/TTTD ngày 05 tháng 04 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng vay Số HCM/2012/014/TTTD/PL04 ngày 09 tháng 05 năm 2016, hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp. Kỳ hạn vay không quá 6 tháng.
- (3) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Số 13016/PN-HĐTD ngày 11 tháng 08 năm 2016. Hạn mức 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (4) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Hàm Nghi theo Hợp đồng vay số 92/2016/576220/HĐTD ngày 1 tháng 08 năm 2016. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (5) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Nghé theo Hợp đồng vay số 26/2016/576220/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2016. Hạn mức 200.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, mở L/C phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Vay tín chấp.
- (6) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh theo hợp đồng vay số 0045/KH/16NH ngày 22 tháng 02 năm 2016, Hạn mức 500.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (7) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận theo hợp đồng vay số 1604LAV201600653 ngày 25/08/2016, hạn mức 90.000.000.000 đồng, thời hạn không quá 12 tháng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6%/năm. Vay tín chấp.
- (8) Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng vay Số BC\_HĐTD/BFC/201311 ngày 01 tháng 11 năm 2013 kèm theo các phụ lục bổ sung theo từng lần nhận nợ. Hạn mức 10.000.000,00 USD, tương đương 208.280.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (9) Là khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam – TpHCM theo hợp đồng vay Số BFL/14-76 ngày 06 tháng 08 năm 2014, kèm theo hợp đồng sửa đổi bổ sung số SBFL/16-138

# CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ngày 25 tháng 11 năm 2016, hạn mức 5,000,000.00 USD. Mục đích bổ sung vốn lưu mua hàng hóa nhập khẩu, Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

- (10) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. HCM theo Hợp đồng số 6209/16/HỆTDHM-DN/166 ngày 02/11/2016. Hạn mức: 100.000.000.000 đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động và phát hành L/C phục vụ sản xuất kinh doanh phân bón. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.
- (11) Là khoản vay các nhân viên Công ty. Mục đích bổ sung vốn lưu động.
- (12) Là khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 160240091/2016- HỆTDHM/NHCT923 ngày 03/10/2016. Hạn mức tín dụng : 180.000.000.000 đồng. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền MeKong.  
Tài sản đảm bảo:  
- Toàn bộ nợ phải thu luân chuyển (Hợp Đồng Thế Chấp Quyền Tài Sản số 130270162/VBSĐBSHỆTC), với số tiền là 135.593.425.839 đồng.  
- Toàn hàng hóa luân chuyển với giá trị tại mọi thời điểm không thấp hơn 30.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng) (Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 150270079 -1/VBSĐBSHỆTC).
- (13) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng vay số 01117/ KHDN1/16NH ngày 10/06/2016. Hạn mức tín dụng : 80.000.000.000 đồng ( Bằng chữ : Tám mươi tỷ đồng ). Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: sử dụng một, một số hoặc tất cả các khoản cấp tín dụng. Vay tín chấp.
- (14) Là khoản vay Ngân hàng NNo và PT Nông Thôn Việt Nam - CN Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng số 3900-LAV ngày 20/06/2016. Hạn mức cho vay: 85.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 3900-LAV-201401011 ngày 28/05/2014). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.  
Tài sản đảm bảo: nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền – Quảng Trị theo hợp đồng thế chấp tài sản 01/2013/HỆTC ngày 21/11/2013.
- (15) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Quảng Trị theo Hợp đồng tín dụng số 1908/2016-HỆTDHM/NHCT450-CTCP BINH DIEN QUANG TRI ngày 19/08/2016. Hạn mức cho vay: 80.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ thuộc hợp đồng tín dụng số 1508/2014-HỆTDHM/450-CT BINH DIEN ngày 15/08/2014). Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Vay tín chấp.
- (16) Là khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Lâm Đồng theo Hợp đồng tín dụng số 00620/2016/0001862-HỆTDHM/NHCT620-CTY CP BÌNH ĐIỀN ngày 27/06/2016. Lãi suất theo từng giấy nhận nợ áp dụng thời gian vay không quá 6 tháng.
- (17) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Đà Lạt theo Hợp đồng tín dụng số 0040/TDN/16LD năm 2016 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0040A/TDN/16LD năm 2016. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ có thời hạn vay không quá 12 tháng.  
Tài sản đảm bảo:  
- Quyền và lợi ích kinh tế phát sinh từ việc thuê các lô đất tọa lạc tại xã Hiệp Thạnh - huyện Đức Trọng tỉnh Lâm Đồng, các lô đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Quyền sử dụng 31.829 m<sup>2</sup> đất thuê (một phần các thửa đất 720, 725, 723, 721; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X267579 do UBND tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 15/11/2014.
- Quyền sử dụng 5.200 m<sup>2</sup> đất thuê (thuộc phần TK 278B (thửa số 1,2); tờ bản đồ số BĐ ĐC CS số 2) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816767 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008.
- Quyền sử dụng 4.000 m<sup>2</sup> đất thuê (thửa số 1642; tờ bản đồ số 3) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 816768 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 22/4/2008.

(18) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Ninh Bình theo Hợp đồng tín dụng số 08/2016-HĐTDHM/NHCTT400-BINHDIEN ngày 10/06/2016. Hạn mức cho vay: 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- Theo hợp đồng thế chấp 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 ngày 5/6/2015 và 09/2015-HĐTCĐS/NHCT400 ngày 5/6/2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.
- Theo hợp đồng số 09/2015 – HĐTCĐS/NHCT400 tháng 06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.434.736.697.368	2.228.349.377.629	(1.939.461.204.005)	1.723.624.870.992
Vay ngắn hạn các cá nhân	22.151.902.762	548.170.960	-	22.700.073.722
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.642.926.286	-	(6.955.588.465)	1.687.337.821
<b>Cộng</b>	<b>1.465.531.526.416</b>	<b>2.228.897.548.589</b>	<b>(1.946.416.792.470)</b>	<b>1.748.012.282.535</b>

**18b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	171.144.835.729	171.144.835.729	166.239.680.563	166.239.680.563
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Tây Sài Gòn(1)	22.571.700.000	22.571.700.000	24.649.800.000	24.649.800.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – CN Tp.HCM <sup>(2)</sup>	28.474.882.749	28.474.882.749	9.491.627.583	9.491.627.583
- Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Ninh Bình <sup>(3)</sup>	120.098.252.980	120.098.252.980	132.098.252.980	132.098.252.980



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Nợ thuê tài chính</b>	<b>14.408.012.234</b>	<b>14.408.012.234</b>	<b>21.237.574.212</b>	<b>21.237.574.212</b>
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(4)</sup>	8.416.489.165	8.416.489.165	15.246.051.143	15.246.051.143
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu <sup>(5)</sup>	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962	4.170.544.962
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam <sup>(6)</sup>	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107	1.820.978.107
<b>Cộng</b>	<b>185.552.847.963</b>	<b>185.552.847.963</b>	<b>187.477.254.775</b>	<b>187.477.254.775</b>

- (1) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Sài Gòn, theo Hợp đồng vay số 150270045/2015- HĐTDHM/NHCT923 ngày 10/06/2015. Hạn mức tín dụng 25.000.000.000 đồng, thời hạn 96 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ, mục đích phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền MeKong. Tài sản thế chấp: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM189701 và số BM189702 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/01/2015; Toàn bộ máy móc thiết bị đang được lắp đặt và sử dụng tại nhà máy phân bón thuốc BVTV Bình Điền - MeKong KCN Thành Thành Công, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của Công ty Cổ phần Bình Điền MeKong.
- (2) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, theo Hợp đồng tín dụng số 0209/KHDN1/16DH ngày 12/12/2016. Hạn mức tín dụng: 37.968.000.000 đồng nhưng tối đa không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của dự án. Lãi suất: Theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ cho dự án nhà máy phân bón và thuốc bảo vệ thực vật Bình Điền MeKong. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất số 06/2016/HĐTLĐ - TTCIZ ngày 25/08/2016.
- (3) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 08/2015-HĐTD/NHCT400- BINH DIEN ngày 10/06/2015. Hạn mức cho vay 186.000.000.000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất phân bón NPK Bình Điền - Ninh Bình, Thời hạn vay 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ trên Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: □ theo Hợp đồng thế chấp số 08/2015-HĐTCBĐS/NHCT400 tháng 06 năm 2015 bao gồm các hạng mục hiện có và xây dựng thêm thuộc dự án xây dựng nhà máy NPK trên thửa đất số 22, tờ bản đồ số 5 tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 231.612.000.000 đồng; Hợp đồng số 09/2015 - HĐTCBĐS/NHCT400 tháng 06/2015 bao gồm toàn bộ máy móc, dây chuyền, thiết bị hiện có và hình thành trong tương lai thuộc dự án Nhà máy sản xuất NPK tại KCN Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giá trị tài sản thế chấp là 39.409.000.000 đồng.
- (4) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 53/2014/TSC-CTTC ngày 25 tháng 08 năm 2014 giữa Công ty Cp Bình Điền - Ninh Bình và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, thời hạn 24 tháng.
- (5) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 12.09.11/HĐTTC-BĐ ngày 20/12/2011 và Hợp đồng số 02.10.14/HĐCTTC-BĐ ngày 02/10/2014 giữa Công ty TNHH MTV Thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.
- (6) Là khoản nợ thuê tài chính của Hợp đồng cho thuê tài chính số 2014-00040-000/HĐTTC-BĐ giữa Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam với Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay, nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn	166.239.680.563	18.983.255.166	(14.078.100.000)	171.144.835.729
Nợ thuê tài chính	21.237.574.212	-	(6.829.561.978)	14.408.012.234
<b>Cộng</b>	<b>187.477.254.775</b>	<b>18.983.255.166</b>	<b>(20.907.661.978)</b>	<b>185.552.847.963</b>

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.196.197.341	40.214.140.051	177.043.086	(18.221.275.340)	31.798.849.086
Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	700.689.061	2.642.187.614	-	(3.672.188.000)	237.944.727
<b>Cộng</b>	<b>10.896.886.402</b>	<b>42.856.327.665</b>	<b>177.043.086</b>	<b>(21.893.463.340)</b>	<b>32.036.793.813</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>	<u>Vốn cổ phần thường</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	371.592.000.000	65,00	371.592.000.000	65,00
- Các cổ đông khác	200.087.930.000	35,00	200.087.930.000	35,00
<b>Cộng</b>	<b>571.679.930.000</b>	<b>100,00</b>	<b>571.679.930.000</b>	<b>100,00</b>

*Tình hình góp vốn điều lệ như sau:*

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>	<u>Vốn điều lệ đã góp</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp</u>
	571.679.930.000	571.679.930.000	-
<b>Cộng</b>	<b>571.679.930.000</b>	<b>571.679.930.000</b>	<b>-</b>

**20c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	571.679.930.000	476.400.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	571.679.930.000	476.400.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(57.167.993.000)	(142.920.000.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**20d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu phổ thông	57.167.993	57.167.993
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

**20e. Các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu dùng để bổ sung vốn điều lệ.

**21. Các mục ngoài bảng cân đối kế toán****Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	3.673.796,69	1.951.517
Euro (EUR)	67,30	83,77

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	3.263.042.877.118	3.087.335.102.595
- Doanh thu hoạt động khác	10.560.029.382	118.860.938
<b>Cộng</b>	<b><u>3.273.602.906.500</u></b>	<b><u>3.087.453.963.533</u></b>

**2. Các khoản giảm trừ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chiết khấu thương mại	49.866.100.712	55.468.176.675
- Hàng bán bị trả lại	271.027.153	2.377.244.500
<b>Cộng</b>	<b><u>50.137.127.865</u></b>	<b><u>57.845.421.175</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	2.719.357.731.067	2.607.666.942.906
- Giá vốn các hoạt động khác	3.253.119.689	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.722.610.850.756</u></b>	<b><u>2.607.666.942.906</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.056.154.654	955.506.118
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.154.253.619	656.804.191
- Doanh thu tài chính khác	79.707.678	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.290.115.951</u></b>	<b><u>1.612.310.309</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí lãi vay	48.836.777.640	41.453.487.720
- Chiết khấu thanh toán	15.496.341.650	16.513.964.600
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.097.034.436	603.773.510
- Chi phí tài chính khác	1.068.840.329	82.852.505
<b>Cộng</b>	<b><u>66.498.994.055</u></b>	<b><u>58.654.078.335</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	7.896.751.317	6.648.795.077
- Chi phí vật liệu, bao bì	273.352.240	1.575.562.615
- Chi phí quảng bá thương hiệu, tiếp thị	33.500.745.920	32.784.591.911
- Chi phí hỗ trợ bán hàng	21.856.239.772	18.884.736.075
- Chi phí hàng quà tặng	4.832.702.298	4.262.145.232
- Chi phí vận chuyển	8.040.405.114	6.546.302.324
- Chi phí mua ngoài	44.411.329.652	39.208.532.686
- Chi phí bằng tiền khác	5.708.073.029	5.521.538.666
<b>Cộng</b>	<b><u>126.519.599.342</u></b>	<b><u>115.432.204.586</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	22.943.923.414	21.251.560.495
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.171.652.858	1.948.552.761
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.444.619.061	1.170.892.184
- Thuế, phí và lệ phí	979.338.762	83.015.463
- Chi phí dự phòng	264.116.190	237.848.458
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.308.300.907	17.808.213.295
- Lợi thế thương mại	117.633.785	-
- Chi phí bằng tiền khác	2.654.849.637	5.103.405.867
<b>Cộng</b>	<b><u>55.884.434.614</u></b>	<b><u>47.603.488.523</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**8. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chiết khấu mua hàng được hưởng	-	1.754.550.000
- Thu nhượng bán tài sản cố định	369.090.909	-
- Thu nhập từ bồi thường hao hụt	-	15.633.790
- Thu nhập khác	240.568.397	2.434.379.791
<b>Cộng</b>	<b><u>609.659.306</u></b>	<b><u>4.204.563.581</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nộp lại tiền thuế môi trường	-	1.440.000.000
- Chi phí khác	852.284.620	1.022.030.541
<b>Cộng</b>	<b><u>852.284.620</u></b>	<b><u>2.462.030.541</u></b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	46.213.961.577	31.705.582.837
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ nay	216.607.496	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>46.430.569.073</u></b>	<b><u>31.705.582.837</u></b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	207.568.821.432	171.901.088.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(39.585.543.819)	(42.820.594.384)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(13.438.662.209)	(10.326.439.531)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	154.544.615.404	118.754.054.605
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	47.640.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>2.703</u></b>	<b><u>2.493</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Kỳ này được tạm trích 8% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trên Kết quả kinh doanh Kỳ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	207.568.821.432	171.901.088.520
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(39.585.543.819)	(42.820.594.384)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(13.438.662.209)	(10.326.439.531)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	154.544.615.404	118.754.054.605
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	57.167.993	47.640.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>2.703</u></b>	<b><u>2.493</u></b>

(\*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi Kỳ này được tạm trích 8% theo Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ trên Kết quả kinh doanh Kỳ này.

**13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.532.930.819.546	2.364.867.418.510
- Chi phí nhân công	151.849.566.763	96.514.822.469
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.180.598.399	31.889.899.208
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	222.359.185.036	213.759.119.825
- Chi phí khác	12.547.370.082	5.912.490.746
<b>Cộng</b>	<b><u>2.951.867.539.826</u></b>	<b><u>2.712.943.750.758</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương và thu nhập khác	2.853.465.000	4.381.603.334
Cổ tức đã nhận	180.976.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.034.441.000</u></b>	<b><u>4.381.603.334</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2b. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm: **Mối quan hệ**  
 Tập đoàn Hóa chất Việt Nam Là công ty mẹ (chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty CP Phân bón Bình Điền)

Nội dung giao dịch:	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Phân bón Bình Điền chia cổ tức	37.159.200.000	-
Công ty CP Phân bón Bình Điền phải thu khác	3.737.502.545 (tại ngày 30/06/2017)	3.737.502.545 (tại ngày 31/12/2016)
Công ty CP Phân bón Bình Điền phải trả khác	2.787.279.715 (tại ngày 30/06/2017)	990.869.715 (tại ngày 31/12/2016)

**3. Báo cáo bộ phận**

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh  
 Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu kinh doanh phân bón.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Kỳ này

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.808.287.655.207	415.178.123.428	3.223.465.778.635
Giá vốn hàng bán	2.352.928.007.512	369.682.843.244	2.722.610.850.756
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>455.359.647.695</b>	<b>45.495.280.184</b>	<b>500.854.927.879</b>

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Nội địa	Xuất khẩu	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.746.554.785.288	283.053.757.070	3.029.608.542.358
Giá vốn hàng bán	2.362.858.418.435	244.808.524.471	2.607.666.942.906
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>383.696.366.853</b>	<b>38.245.232.599</b>	<b>421.941.599.452</b>

**4. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

## CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Tập đoàn không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả kinh doanh của Tập đoàn trong các kỳ sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN

Tổng Giám đốc



LÊ QUỐC PHONG



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>423.821.885.358</b>	<b>177.495.056.680</b>	<b>40.925.457.914</b>	<b>3.716.491.858</b>	<b>6.974.213.698</b>	<b>652.933.105.508</b>
2. Tăng trong kỳ	17.559.468.069	24.463.141.421	6.273.853.131	451.641.450	495.550.000	49.243.654.071
- Tăng do mua mới	-	10.133.591.870	6.273.853.131	71.600.000	495.550.000	16.974.595.001
- Tăng từ xây dựng cơ bản dở dang	17.559.468.069	2.732.366.589	-	-	-	20.291.834.658
- Tăng khác (*)	-	11.597.182.962	-	380.041.450	-	11.977.224.412
3. Giảm trong kỳ	-	2.714.449.666	12.297.224.412	-	-	15.011.674.078
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	-	3.034.449.666
- Giảm khác (*)	-	-	11.977.224.412	-	-	11.977.224.412
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>441.381.353.427</b>	<b>199.243.748.435</b>	<b>34.902.086.633</b>	<b>4.168.133.308</b>	<b>7.469.763.698</b>	<b>687.165.085.501</b>
Trong đó: TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.438.936.080	43.812.769.778	7.651.661.184	1.303.101.903	-	54.206.468.945
<b>II Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>1 Số dư đầu năm</b>	<b>103.712.789.232</b>	<b>96.147.244.067</b>	<b>24.855.282.306</b>	<b>2.268.111.119</b>	<b>1.013.588.787</b>	<b>227.997.015.511</b>
2. Tăng trong năm	17.677.174.140	19.944.824.990	1.636.819.715	592.997.384	441.593.127	40.293.409.355
- Khấu hao trong kỳ	17.677.174.140	12.041.663.372	1.636.819.715	273.455.935	441.593.127	32.070.706.288
- Tăng khác (*)	-	7.903.161.618	-	319.541.449	-	8.222.703.067
3. Giảm trong kỳ	-	2.714.449.666	8.542.703.067	-	-	11.257.152.733
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.714.449.666	320.000.000	-	-	3.034.449.666
- Giảm khác (*)	-	-	8.222.703.067	-	-	8.222.703.067
<b>4. Số dư cuối kỳ</b>	<b>121.389.963.372</b>	<b>113.377.619.391</b>	<b>17.949.398.954</b>	<b>2.861.108.503</b>	<b>1.455.181.914</b>	<b>257.033.272.133</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>320.109.096.126</b>	<b>81.347.812.613</b>	<b>16.070.175.608</b>	<b>1.448.380.739</b>	<b>5.960.624.911</b>	<b>424.936.089.997</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>319.991.390.056</b>	<b>85.866.129.044</b>	<b>16.952.687.680</b>	<b>1.307.024.805</b>	<b>6.014.581.784</b>	<b>430.131.813.368</b>
Trong đó: Giá trị còn lại của TSCĐ dùng để thế chấp (xem thêm tại Thuyết minh V.18a)	184.515.789.052	21.596.532.049	-	-	179.910.877	206.292.231.978

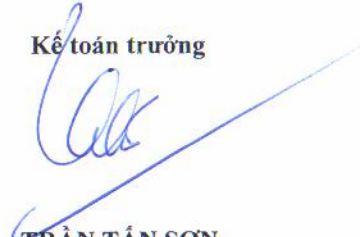
(\*) Tăng khác, giảm khác trong kỳ là khoản phân loại lại tài sản cố định hữu hình.

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TÂN SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.



Giám đốc

LÊ QUỐC PHONG

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN BÌNH ĐIỀN**

Địa chỉ: C12/21 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu (1)	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát (2)	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>1. Số dư đầu năm trước</b>	<b>476.400.000.000</b>	-	<b>7.211.680.048</b>	<b>119.095.387.120</b>	<b>27.342.989.573</b>	<b>279.179.962.957</b>	<b>198.173.702.586</b>	<b>1.107.403.722.284</b>
<b>2. Tăng trong năm trước</b>	<b>95.279.930.000</b>	-	-	<b>35.211.666.439</b>	<b>10.525.307.541</b>	<b>277.122.890.148</b>	<b>72.977.489.113</b>	<b>491.117.283.241</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	277.122.890.148	72.977.489.113	350.100.379.261
- Tăng vốn trong năm	95.279.930.000	-	-	-	-	-	-	95.279.930.000
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	35.211.666.439	10.525.307.541	-	-	45.736.973.980
<b>3. Giảm trong năm trước</b>	-	-	<b>(6.746.801.918)</b>	<b>(61.190.138.509)</b>	<b>(27.342.989.573)</b>	<b>(331.776.995.956)</b>	<b>(43.811.310.027)</b>	<b>(470.868.235.983)</b>
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(331.776.995.956)	(43.811.310.027)	(375.588.305.983)
- Giảm khác	-	-	(6.746.801.918)	(61.190.138.509)	(27.342.989.573)	-	-	(95.279.930.000)
<b>4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay</b>	<b>571.679.930.000</b>	-	<b>464.878.130</b>	<b>93.116.915.050</b>	<b>10.525.307.541</b>	<b>224.525.857.149</b>	<b>227.339.881.672</b>	<b>1.127.652.769.542</b>
<b>5. Tăng trong kỳ này</b>	-	<b>15.050.059.200</b>	-	<b>44.044.473.243</b>	<b>1.402.585.440</b>	<b>167.983.277.613</b>	<b>39.585.543.819</b>	<b>268.065.939.315</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	167.983.277.613	39.585.543.819	207.568.821.432
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	-	43.579.595.113	1.402.585.440	-	-	44.982.180.553
- Bổ sung từ Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	464.878.130	-	-	-	464.878.130
- Bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	-	15.050.059.200	-	-	-	-	-	15.050.059.200
<b>6. Giảm trong kỳ này</b>	-	-	<b>(464.878.130)</b>	<b>(15.050.059.200)</b>	-	<b>(133.259.254.109)</b>	<b>(46.737.135.749)</b>	<b>(195.511.327.188)</b>
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	(43.579.595.113)	-	(43.579.595.113)
- Trích Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(1.402.585.440)	-	(1.402.585.440)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(31.109.080.556)	(11.747.247.109)	(42.856.327.665)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(57.167.993.000)	(34.989.888.640)	(92.157.881.640)
- Bổ sung vào vốn góp	-	-	-	(15.050.059.200)	-	-	-	(15.050.059.200)
- Bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(464.878.130)	-	-	-	-	(464.878.130)
<b>7. Số dư cuối kỳ này</b>	<b>571.679.930.000</b>	<b>15.050.059.200</b>	-	<b>122.111.329.093</b>	<b>11.927.892.981</b>	<b>259.249.880.652</b>	<b>220.188.289.743</b>	<b>1.200.207.381.669</b>

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính



(1) Là khoản tăng vốn đầu tư chủ sở hữu của công ty con (Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng) tương ứng với tỷ lệ kiểm soát của Công ty mẹ. Vốn đầu tư chủ sở hữu của Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng được tăng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHCĐ ngày 16/03/2017. Vốn điều lệ của Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng đã được tăng lên thành 88.529.760.000 theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5800606078 thay đổi lần thứ 9 ngày 07/04/2017.

(2) Chi tiết tình hình tăng giảm trong kỳ này như sau:

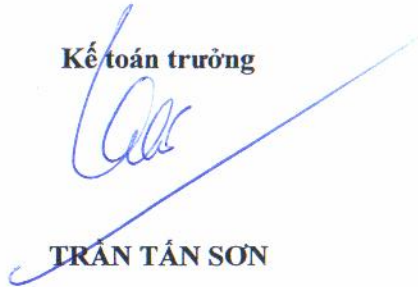
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong	Số dư đầu năm nay	Lãi/Lỗ trong năm	Phân phối lợi nhuận	Số dư cuối kỳ này
Công ty CP Bình Điền Mê Kông	25.678.581.413	3.079.296.807	(4.092.946.478)	24.664.931.742
Công ty CP Bình Điền Quảng Trị	43.574.006.710	7.315.831.753	(8.331.432.631)	42.558.405.831
Công ty CP Bình Điền Lâm Đồng	80.265.129.114	16.739.365.795	(16.550.010.370)	80.454.484.539
Công ty CP Bình Điền Ninh Bình	77.822.164.435	12.451.049.465	(17.762.746.269)	72.510.467.631
<b>Cộng</b>	<b>227.339.881.672</b>	<b>39.585.543.819</b>	<b>(46.737.135.749)</b>	<b>220.188.289.743</b>

Người lập biểu



TRẦN NGỌC HÙNG

Kế toán trưởng



TRẦN TẤN SƠN



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 8 năm 2017.

Giám đốc

LÊ QUỐC PHONG